

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2018/HNGĐ-ST

Ngày 06-11-2018

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Tâm;
2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 678/2018/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1980; thường trú: Thôn 4, xã Y, huyện Y, tỉnh T; tạm trú: H11/55, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trịnh Hữu H, sinh năm 1978; thường trú: Thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh T; tạm trú: H11/55, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 6 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Trước khi kết hôn, chị và anh Trịnh Hữu H tự nguyện tìm hiểu nhau 02 tháng đến đầu năm 2004 tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo

Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 ngày 31/01/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh T. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sinh sống nhiều nơi tại khu vực thị xã D, tỉnh B. Khoảng năm 2011 vợ chồng chuyển đến sống tại địa chỉ H11/55, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B. Vợ chồng anh chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng luôn tranh cãi về chuyện tiền bạc, anh H còn ghen vì cho rằng chị T có tình cảm với bạn của anh H. Những lúc mâu thuẫn anh H thường hay đánh đập chị T dẫn đến chính quyền phải lập biên bản xử lý. Vì anh H hăm dọa hành hung chị T và vợ chồng mâu thuẫn gay gắt nên từ tháng 02/2018 chị T và anh H không còn sống cùng nhau. Hiện tại, anh chị đã không còn tình cảm nên chị T yêu cầu được ly hôn anh H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thị Thu T, sinh ngày 21/5/2005 và Trịnh Ngọc H, sinh ngày 03/02/2012. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trịnh Thị Thu T, anh H nuôi dưỡng con Trịnh Ngọc H, không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/7/2018 anh Nguyễn Hữu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H thống nhất với phần trình bày của chị T về thời gian vợ chồng tìm hiểu nhau và quan hệ hôn nhân của vợ chồng. Từ tháng 02/2018, chị T tự ý bỏ nhà đi nơi khác sinh sống, nguyên nhân do vợ chồng thường hay mâu thuẫn vì chị T có quan hệ không rõ ràng với người khác giới. Những lúc vợ chồng cãi nhau anh có đánh chị T. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, những mâu thuẫn giữa anh và chị T không thể hàn gắn được nên chị T yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Trịnh Thị Thu T, sinh ngày 21/5/2005 và Trịnh Ngọc H, sinh ngày 03/02/2012. Con lớn Trịnh Thị Thu T không muốn sống cùng anh nên thuận theo nguyện vọng của cháu; con nhỏ Trịnh Ngọc H đang sống cùng anh nhưng anh hiện đang làm nghề chạy xe ba gác phải di chuyển nhiều nơi thu nhập không ổn định nên anh đề nghị giao cả hai con cho chị T nuôi dưỡng. Trong trường hợp Tòa án giao con chung cho anh nuôi dưỡng thì anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 02/8/2018, Tòa án xác minh mâu thuẫn vợ chồng của chị Lê Thị T với anh Trịnh Hữu H và được cung cấp: Anh Trịnh Hữu H và chị Lê Thị T có đăng ký tạm trú tại địa chỉ số H11/55, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh B.

Quá trình anh chị sinh sống chính quyền địa phương không nhận được thông tin hay đơn trình báo về mâu thuẫn trong gia đình của anh chị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Lê Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải; Bị đơn anh Trịnh Hữu H đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ các điều 207 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trịnh Hữu H và chị Lê Thị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh T theo Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 vào ngày 31 tháng 01 năm 2004 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị T trình bày, vợ chồng chung sống được với nhau đến tháng 02/2018 thì chị T dọn ra ngoài sinh sống và anh chị cũng ly thân từ đó. Tại bản tự khai, chị T và anh H đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống vợ chồng. Hiện nay anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Trịnh Thị Thu T, sinh ngày 21/5/2005 và Trịnh Ngọc H, sinh ngày 03/02/2012. Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định: *“Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con...”*. Đối với cháu Trịnh Thị Thu T, cháu có nguyện vọng được sống cùng ông bà ngoại vì trên thực tế từ khi cháu còn nhỏ đã được ông bà ngoại nuôi dưỡng, ý kiến này của cháu Thảo đã có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh T nơi cháu T đang sinh sống cùng ông, bà ngoại nên có căn cứ giao con cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị T. Đối với cháu Trịnh Ngọc H, hiện tại cháu đang sống cùng anh H. Mặc dù anh H có ý kiến muốn giao con Trịnh Ngọc H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nhưng xét hoàn cảnh hiện tại chị T không có nơi ở ổn định và chị cũng đã nuôi cháu Trịnh Thị Thu T nên anh H phải có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Trịnh Ngọc H.

Anh H yêu cầu giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng là không phù hợp với điều kiện thực tế của cả hai bên. Con chung mỗi người nuôi một cháu và không ai có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 144, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trịnh Hữu H (Giấy chứng nhận kết hôn số 02, quyển số 01 ngày 31/01/2004 do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh T cấp).

2. Về con chung:

Giao con chung tên Trịnh Thị Thu T, sinh ngày 21/5/2005 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Trịnh Ngọc H, sinh ngày 03/02/2012 cho anh Trịnh Hữu H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị T và anh Trịnh Hữu H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Lê Thị T và anh Trịnh Hữu H phải tạo điều kiện cho nhau thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không được quyền cản trở chị T, anh H thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm : Chị Lê Thị T chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019679 ngày 28/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh T (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, HS (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Thanh